

**ÔN TẬP PHẦN I
ĐỘNG VẬT KHÔNG XƯƠNG SỐNG****I – MỤC TIÊU**

- Khái quát được đặc điểm của các ngành ĐVKXS từ thấp đến cao.
- Thấy được sự đa dạng về loài của động vật.
- Phân tích được nguyên nhân của sự đa dạng ấy, có sự thích nghi rất cao của động vật với môi trường sống.
- Thấy được tầm quan trọng chung của ĐVKXS đối với con người và đối với tự nhiên.

II – THÔNG TIN BỔ SUNG

Qua một số đối tượng đại diện, GV giúp HS ôn lại đặc điểm, lối sống, sự thích nghi, tầm quan trọng của ĐVKXS.

1. HS cần đọc thêm “Sổ tay kiến thức sinh học” trung học sơ sở để có được hệ thống các kiến thức khái quát về nhóm ĐVKXS vừa học.

2. Trong khi ôn tập, GV hướng dẫn HS sưu tầm các tranh ảnh về ĐVKXS ở các sách, báo, tài liệu tham khảo ngoài SGK (với sách, không được cắt mà chỉ photocopy lại) rồi sắp xếp thành từng ngành, xếp theo trật tự SGK.

3. Nếu HS nào có điều kiện và yêu thích, GV hướng dẫn sưu tầm tem về ĐVKXS (riêng tem VN cũng có tới hàng chục bộ với hàng trăm loài động vật khác nhau).

4. Nếu GV thấy (thường ở các thành phố) HS có điều kiện thu thập được số lượng tranh, ảnh, tem và cả các bài báo một cách đáng kể thì trong giờ ôn tập, cho học sinh trưng bày các kết quả ấy lên bảng và quanh tường lớp học. GV có thể cho điểm HS có nhiều công sức và kết quả sưu tập tốt.

III – PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Tranh vẽ : GV chọn các bộ tranh dùng trong phần I, ưu tiên các tranh liên quan đến 15 đối tượng trong bài ôn tập và các loài kế cận các loài ấy.

– Ảnh chụp : nếu GV có sưu tầm ảnh chụp các loài động vật liên quan thì đem theo. Nên động viên HS đem tranh, ảnh bổ sung.

– Máy chiếu : Nếu có thì photocopy lên tấm bản trong một số hình, sơ đồ, cây phát sinh và bảng tóm tắt cuối bài... để chiếu.

– Màn hình, đầu video, băng và đĩa hình, đầu đĩa hình : có thể kết hợp chiếu trong 10 – 15 phút một số phim về ĐVKXS như : Sự đa dạng của thiên nhiên, thế giới ĐVKXS, động vật dưới biển, thế giới côn trùng...

Bài ôn tập rất cần các hình thức này.

Căng dây và cặp kẹp quanh tường để HS trưng bày các sưu tập cá nhân, nhóm hay tổ.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. Gợi ý lời giới thiệu

– Có thể vào bài như đã trình bày ở SGK.

– Nếu GV thấy HS ôn tập thực sự say sưa và sưu tầm tranh, ảnh, tem, bài báo, tài liệu thực sự có kết quả thì có thể từ vài nét sơ kết các hoạt động ôn tập của HS để kết luận rằng : không đợi đến bài này, HS đã thực sự ôn tập từ trước một cách tự giác, tích cực, đầy hiệu quả và sáng tạo. Thực hiện bài học này chẳng qua chỉ là sự tổng kết lại của quá trình ấy để chuẩn bị cho học phần sau về ĐVKXS.

2. Gợi ý tổ chức, phương pháp

– Tổ chức : HS được tổ chức thảo luận, trao đổi, trưng bày hiện vật sưu tầm được theo nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn.

– Phương pháp : Trao đổi nhóm kết hợp với trưng bày tranh, ảnh và tài liệu HS sưu tầm, sử dụng các vốn tri thức cũ để xây dựng các hướng ôn tập khái niệm về 3 vấn đề : đa dạng, thích nghi, giá trị thực tiễn.

HS được rèn luyện trình bày các vấn đề có tính chất tổng hợp, kết hợp sử dụng phương tiện trực quan.

3. Các hoạt động học tập

– *Hoạt động 1* : **Ôn tập về tính đa dạng của ĐVKXS**

Yêu cầu : – Từ kênh hình, kênh chữ (đặc điểm) về mỗi loài đã học, nhận ra được tên loài và tên ngành mà loài đó đại diện.

– Nhận biết sơ bộ vị trí phân loại và từ đó biết thêm được các loài trong cùng nhóm.

Thực hiện : Viết đúng vào chỗ trống tên ngành và tên loài.

Bảng viết đúng như sau :

Bảng 1. Các đại diện của ĐVKXS

Ngành ĐV nguyên sinh	Ngành Ruột khoang	Các ngành Giun	Ngành Thân mềm	Ngành Chân khớp
<ul style="list-style-type: none"> – Có roi – Có nhiều hạt diệp lục <p>Trùng roi</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Cơ thể hình trụ – Nhiều tua miệng – Thường có vách xương đá vôi <p>Hải quỳ</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Cơ thể dẹp – Thường hình lá hoặc kéo dài <p>Sán dây</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Vỏ đá vôi xoắn ốc – Có chân lẻ <p>Ốc sên</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Có cả chân bơi, chân bò. – Thở bằng mang <p>Con tôm</p>
<ul style="list-style-type: none"> – Có chân giả – Nhiều không bào – Luôn luôn biến hình <p>Trùng biến hình</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Cơ thể hình chuông, – Thủy miệng kéo dài <p>Sứa</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Cơ thể hình ống dài thuôn 2 đầu – Tiết diện ngang tròn <p>Giun đũa</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Hai vỏ đá vôi – Có chân lẻ <p>Vẹm</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Có 4 đôi chân – Thở bằng phổi và ống khí <p>Nhện</p>
<ul style="list-style-type: none"> – Có miệng và khe miệng – Nhiều lông bơi. <p>Trùng giày</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Cơ thể hình trụ – Có tua miệng <p>Thủy tức</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Cơ thể phân đốt – Có chân bên hoặc tiêu giảm <p>Giun đất</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Vỏ đá vôi tiêu giảm hoặc mất – Cơ chân phát triển thành 8 hay 10 tua miệng <p>Mực</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Có 3 đôi chân – Thở bằng ống khí – Có cánh <p>Bọ hung</p>

– *Hoạt động 2* : **Ôn tập về sự thích nghi của ĐVKXS**

Yêu cầu : 15 bức tranh trong bảng 1 của bài phần lớn có giới thiệu cả môi trường sống và tư thế đang hoạt động sống của ĐVKXS để giúp HS :

+ Nhận biết môi trường sống của ĐVKXS : ở nước, ở cạn hay kí sinh.

+ Tìm hiểu sự thích nghi của ĐVKXS thể hiện ở : cách dinh dưỡng, cách vận chuyển, cách hô hấp.

Thực hiện : GV yêu cầu HS chọn mỗi ngành 1 đại diện và làm sáng tỏ môi trường sống và sự thích nghi của chúng bằng cách ghi ngắn gọn vào bảng 2 (mỗi người chỉ làm 5 đối tượng).

Sau đây là gợi ý điền của 15 đối tượng :

STT	Tên động vật	Môi trường sống	Sự thích nghi		
			Kiểu dinh dưỡng	Kiểu di chuyển	Kiểu hô hấp
1	2	3	4	5	6
1	Trùng roi xanh	Nước ao, hồ	Tự dưỡng, dị dưỡng	Bơi bằng roi	Khuếch tán qua màng cơ thể
2	Trùng biến hình	Nước ao, hồ	Dị dưỡng	Bơi bằng chân giả	Khuếch tán qua màng cơ thể
3	Trùng giày	Nước bẩn (cống...)	Dị dưỡng	Bơi bằng lông	Khuếch tán qua màng cơ thể
4	Hải quỳ	Đáy biển	Dị dưỡng	Sống cố định	Khuếch tán qua da
5	Sứa	Trong nước biển	Dị dưỡng	Bơi lội tự do	Khuếch tán qua da
6	Thủy tức	Ở nước ngọt	Dị dưỡng	Sâu đo hay lộn đầu	Khuếch tán qua da
7	Sán dây	Kí sinh ở ruột người	Dị dưỡng	Sống bám	Hô hấp yếm khí
8	Giun đũa	Kí sinh ở ruột người	Dị dưỡng	Ít di chuyển, bằng vận động cơ dọc, cơ thể	Hô hấp yếm khí
9	Giun đất	Sống trong đất	Dị dưỡng	Xen kẽ co duỗi thân	Khuếch tán qua da
10	Ốc sên	Trên cây	Dị dưỡng	Bò bằng cơ chân	Thở bằng phổi

1	2	3	4	5	6
11	Vẹm	Nước biển	Dị dưỡng	Bám một chỗ	Thở bằng mang
12	Mực	Nước biển	Dị dưỡng	Bơi bằng tua miệng và xoang áo	Thở bằng mang
13	Tôm	Ở nước (ngọt, mặn)	Dị dưỡng	Di chuyển bằng chân bơi, chân bò và đuôi	Thở bằng mang
14	Nhện	Ở cạn	Dị dưỡng	“Bay” bằng tơ, bò	Phổi và ống khí
15	Bọ hung	Ở đất	Dị dưỡng	Bò và bay	Ống khí

- Hoạt động 3 : Ôn tập về tầm quan trọng thực tiễn

Yêu cầu : Học sinh thấy được ý nghĩa thực tiễn của một số ĐVKXS

Thực hiện : Học sinh ghi vào ô trống một số tên loài vào bảng 3. *Bảng gợi ý như sau :*

Bảng 3. Tầm quan trọng thực tiễn của ĐVKXS

STT	Tầm quan trọng thực tiễn	Tên loài	STT	Tầm quan trọng thực tiễn	Tên loài
1	Làm thực phẩm	Tôm, mực, vẹm, cua	4	Có giá trị dinh dưỡng chữa bệnh	Ong mật, tầm dâu
2	Có giá trị xuất khẩu	Mực, tôm	5	Làm hại cơ thể động vật và người	Sán dây, giun đũa, chấy
3	Được nhân nuôi	Tôm, vẹm, cua	6	Làm hại thực vật	Ốc sên, nhện, đò, sâu hại

V – KẾT LUẬN

GV cho HS nhắc lại các kết quả hoạt động trong bài để hướng tới kết luận và ghi nhớ như phần IV (tóm tắt ghi nhớ) của bài.

VI – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các tài liệu số : 1, 2, 3, 6, 8, 10, 16, 21 phần 1 SGK.